

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /2020/NQ- HĐQT

Bắc Kạn, ngày 10 tháng 06 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số: 05 /2020/BB-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn ngày 10 tháng 06 năm 2020;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Thời gian: 08h00 ngày 29 tháng 6 năm 2020
- Địa điểm: Khách sạn Núi Hoa, tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2:** Thông qua Bộ tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

**Điều 3:** Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc triển khai thực hiện theo quy định.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- HĐQT;
- BTGD;
- BKS;
- CVP; PKT; TKCT;
- Lưu: VP

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Phi Hồ**

Số: 11/TB-HĐQT

Bắc Kạn, ngày 10 tháng 06 năm 2020

**THÔNG BÁO MỜI HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**Kính gửi:** Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trân trọng thông báo tới Quý cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

- Thời gian tổ chức Đại hội:** Khai mạc hồi 8 giờ ngày 29 tháng 6 năm 2020
- Địa điểm tổ chức Đại hội:** Khách sạn Núi Hoa (Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn).
- Đối tượng tham dự:** Cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (mã BKC) tại thời điểm chốt danh sách ngày 01 tháng 6 năm 2020.
- Nội dung họp:** Có Chương trình họp kèm theo.
- Tài liệu họp:** Chi tiết vui lòng xem trên website: [backanco.com](http://backanco.com).

**\* Lưu ý:**

- Công ty sẽ gửi Thư mời họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 đến địa chỉ của toàn thể Quý cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 01/6/2020 theo thông báo của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Thông báo này thay cho Thư mời họp trong trường hợp Quý cổ đông không nhận được Thư mời họp.

- Người tham dự họp ĐHĐCĐ cần mang theo Thư mời họp và bản chính CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu. Trường hợp được ủy quyền dự họp, đề nghị người đại diện cổ đông mang thêm bản chính Giấy uỷ quyền họp lệ và bản sao CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN của cổ đông ủy quyền.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT; BKS;
- BTGD;
- CVP; TKCT;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Vũ Phi Hồ**



**CHƯƠNG TRÌNH  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020.**

**Thời gian:** Khai mạc lúc 8 giờ ngày 29 tháng 6 năm 2020

**Địa điểm:** Khách sạn Núi Hoa - Tổ 4, phường Đức Xuân, Tp. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
01	07h00-08h00	- Cổ đông đăng ký danh sách, nhận tài liệu	BTC
02	08h00-08h30	- Ổn định và chào cờ	BTC
		- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	BTC
		- Thông qua quy chế làm việc của Đại hội	BTC
		- Chủ tịch HĐQT lên phát biểu khai mạc và điều hành Đại hội. - Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội - Thông qua chương trình nghị sự Đại hội	Chủ tịch HĐQT
03	08h30-11h30	<b>CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI</b>	
		1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Thảo luận và biểu quyết	Tổng Giám đốc
		2. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT
		4. Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng Ban kiểm soát
		5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
		6. Thông qua Tờ trình về Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2019 và đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2020.	Kế toán trưởng

		Thảo luận và biểu quyết.	
		7. Thông qua Tờ trình Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng ban kiểm soát
		8. Các nội dung khác do Đại hội quyết định	Chủ tịch HĐQT
04	11h30-11h45	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội. Thảo luận và biểu quyết thông qua.	Chủ tịch HĐQT Thư ký Đại hội
05	11h45	Bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019**  
**VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

**Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

Thay mặt Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, tôi xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2019 và kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2020 như sau:

**I. Tình hình hoạt động của Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn trong năm 2019**

Năm 2019 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra tương đối ổn định nhưng do gặp một số khó khăn về thị trường, giá cả, nguyên liệu đã ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó do thủ tục pháp lý kéo dài nên một số dự án của công ty vẫn chưa đi vào hoạt động theo đúng tiến độ đề ra như: Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít, tái chế ắc quy chì, hồ chứa thải mới, mỏ Nà Duông. Riêng Nhà máy luyện chì hoạt động đạt vượt chỉ tiêu kế hoạch nhưng vẫn chưa đạt đủ công suất.

**Bảng 1. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2019 :**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019		Tỷ lệ thực hiện (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	27.650	24.480,94	88,54
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	5.600	5.282,598	94,33
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	4.100	3.236,337	78,94
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$ )	Tấn	4.200	4.698,723	111,87
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	4.500	0,0	-
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$ )	Tấn	4.500	5.627,908	125,06
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	268,5	235,186	87,59
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	12,0	12,773	106,44
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	28,0	28,147	100,53
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	5,5	6,355	115,55
8	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	7,4	7,5	101,35

**II. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2019**

## 1. Các hoạt động chung

Thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ, trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp và nhiều lần xin ý kiến bằng văn bản để thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng. Hội đồng quản trị đã ban hành 13 Nghị quyết, Quyết định liên quan tới công tác nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, nhu cầu vốn và kế hoạch phát triển của Công ty thuộc thẩm quyền. Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi diễn biến của nền kinh tế và biến động của thị trường để từ đó có sự chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của công ty.

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 25/4/2019.

Bên cạnh đó HĐQT đã lập các báo cáo tình hình quản trị 6 tháng, 1 năm và công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC.

## 2. Hoạt động giám sát của HĐQT.

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày, bao gồm:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc trong các hoạt động kinh doanh.
- Tổ chức giám sát việc thực hiện các dự án do công ty làm chủ đầu tư
- Giám sát, chỉ đạo việc lập các báo cáo và thực hiện công bố thông tin đảm bảo minh bạch, kịp thời, đúng quy định.

## 3. Mức chi thù lao HĐQT năm 2019.

Trong năm 2019 công ty đã thực hiện việc chi trả thù lao HĐQT theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2019, cụ thể:

**Bảng 2.** Thù lao Hội đồng quản trị năm 2019

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2019		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT.	1	50.000.000	12	600.000.000
1	Thành viên HĐQT.	4	10.000.000	12	480.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.080.000.000</b>

## III. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

Từ đầu năm 2020 đến nay dịch Covid-19 bùng phát đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới kinh tế Việt Nam và thế giới. Tình trạng “bế quan tỏa cảng” giữa các nước và giá chì, kẽm giảm sâu đã tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu thiệt hại công ty đã buộc phải thu hẹp khai thác và tập trung nguồn lực cho hoạt động của nhà máy luyện chì và sản xuất bột kẽm oxít. Luyện kim sẽ là lĩnh vực hoạt động trọng tâm của công ty trong thời gian tới.

**Bảng 3:** Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2020

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh kế hoạch năm 2020 với thực hiện năm 2019 (%)
1	Khối lượng sản phẩm khai thác	Tấn	24.480,94	20.667	84,42
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (HL: 60% Pb)	Tấn	4.761,5	4.018	84,38
	- Tinh quặng kẽm (HL: 50% Zn)	Tấn	3.236,3	3.214	99,31
	- Khối lượng sản phẩm chì thối	Tấn	4.698,72	6.000	127,69
3	Khối lượng sản phẩm xuất bán				
	- Khối lượng xuất bán tinh quặng kẽm	Tấn	0	2.000	100
	- Khối lượng xuất bán chì thối	Tấn	5.627,91	5.600	99,50
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	235,10	266,6	113,40
5	Giá vốn	Tỷ đồng	210,80	244	115,75
6	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	4,37	0,2	4,58
7	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	10,30	12	116,50
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	13,78	13	94,34
9	Thu nhập khác	Tỷ	14,79	4,60	31,10

		đồng			
10	Chi phí khác	Tỷ đồng	2,65	1,50	56,60
11	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	16,73	0,9	5,38
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Tỷ đồng	3,96	0,18	19,95
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	12,77	0,72	0,86
14	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	28,147	24,14	86%
15	Nộp bảo hiểm	Tỷ đồng	6,355	5,20	95%
16	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	7,5	7,4	99%

Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 như sau:

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc trên cơ sở tạo điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Phối hợp với Ban Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 trình ĐHĐCĐ thông qua cũng như xem xét kịp thời, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở thẩm quyền của HĐQT để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục duy trì và nâng cao mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban Tổng giám đốc phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT; BKS;
- BTGD;
- VP; TKCT;
- Lưu: VT.



**Vũ Phi Hồ**



Số: 88 /BC-TGD

Bắc Kạn, ngày 10 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ  
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

**Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

**I. Đặc điểm tình hình năm 2019**

**1. Đánh giá chung:**

- Năm 2019 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra tương đối ổn định nhưng do gặp một số khó khăn về thị trường, giá cả, nguyên liệu đã ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch đề ra.
- Chính sách thắt chặt quản lý của Nhà nước và địa phương trong lĩnh vực khai khoáng đã tác động tới hoạt động của Công ty, ảnh hưởng đến tiến độ của một số dự án đang triển khai như Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít, tái chế ắc quy chì, hồ chứa thải mới, mỏ Nà Duông, mỏ Bó Nặm.
- Công ty tiếp tục cải thiện môi trường làm việc và thu nhập cho người lao động; cải tạo công nghệ, rà soát điều chỉnh các khâu trong sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa chi phí.

**2. Thuận lợi và khó khăn**

**2.1. Thuận lợi**

Ban lãnh đạo có chủ trương, định hướng đúng, quyết tâm cao, chỉ đạo quyết liệt, sát sao với cơ sở; nội bộ Công ty đoàn kết; người lao động tích cực trong lao động sản xuất; các cấp chính quyền trong tỉnh tạo điều kiện.

**2.2. Khó khăn**

- Chưa có thêm mỏ để khai thác trong khi mỏ cũ khai thác trong điều kiện khó khăn, sản lượng ít, hàm lượng thấp, các nguồn nguyên liệu khác chưa được cấp phép xử lý dẫn đến thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.
- Giá bán kim loại vẫn tiếp tục giảm dẫn đến hàng khó tiêu thụ, tồn kho tăng, thiếu vốn để tái đầu tư sản xuất.
- Cơ chế, chính sách của Nhà nước ngày càng thắt chặt, còn nhiều bất cập, vẫn mang tính cục bộ địa phương; thủ tục hành chính còn rườm rà, chồng chéo, các dự án chủ yếu nằm trong vùng CT229 nên khi triển khai thường gặp khó khăn, mất nhiều thời gian để thực hiện, làm chậm tiến độ của dự án.

- Lao động phổ thông lẫn lao động có trình độ, tay nghề cao vẫn khan hiếm, thiếu hụt, tuyển dụng khó; nhận thức, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật, quy định Công ty của người lao động còn hạn chế.

## II. Những kết quả đạt được

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2019 hoạt động khai thác mỏ diễn ra tương đối ổn định. Tuy nhiên bên cạnh đó có một số dự án vẫn chưa đi vào hoạt động theo đúng tiến độ đề ra như: Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít, tái chế ắc quy chì, hồ chứa thải mới, mỏ Nà Duồng. Riêng Nhà máy luyện chì hoạt động đạt vượt chỉ tiêu kế hoạch nhưng vẫn chưa đạt đủ công suất.
- Cơ sở hạ tầng tiếp tục được đầu tư, cải tạo và nâng cấp; điều kiện lao động, môi trường làm việc, sinh hoạt được cải thiện; trang thiết bị phục vụ sản xuất tiếp tục được cơ giới hóa; chất lượng lao động và chất lượng sản phẩm được nâng lên.
- Công ty đã thu hút và giữ được lực lượng lao động có tay nghề; các khoản đóng góp cho ngân sách địa phương vượt kế hoạch đề ra.
- Năm 2019 đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty đã nỗ lực khai thác được 24.480,94 tấn quặng nguyên khai, đạt 88,54% kế hoạch đề ra. Do sản lượng khai thác chưa đạt được kế hoạch dẫn đến các chỉ tiêu về tinh quặng cũng không đạt được kế hoạch. Riêng nhà máy luyện chì hoạt động ổn định nên chỉ tiêu chì kim loại đạt vượt mức với sản lượng 4.698,723 tấn đạt 111,87% so với kế hoạch. Trong năm 2019 giá bán kim loại vẫn giảm, hàng khó tiêu thụ, tồn kho tăng đặc biệt là tinh quặng kẽm, giá vốn hàng bán Công ty con tăng cao nên doanh thu không đạt theo kế hoạch.

Những kết quả đạt được trong năm 2019 cụ thể như sau:

**Bảng 1: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2019**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019		Tỷ lệ thực hiện (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	27.650	24.480,94	88,54
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	5.600	4.761,5	94,33
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	4.100	3.236,337	78,93
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$ )	Tấn	4.200	4.698,723	111,87
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	4.500	0	0
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$ )	Tấn	4.500	5.627,908	125,06
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	268,5	235,186	87,59
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	12,0	12,773	106,44
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	28,0	28,147	100,53
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	5,5	6,355	115,55

8	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	7,4	7,5	101,35
---	--------------------	----------	-----	-----	--------

**Bảng 2:** Chi tiết các khoản nợ ngân sách nhà nước năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Số còn phải nợ tại thời điểm 31/12/2018	Phát sinh trong kỳ năm 2019		Số còn phải nợ tại thời điểm 31/12/2019
			Số phải nợ	Số đã nộp	
1	Thuế GTGT	0	12.882.597.661	9.315.958.325	3.566.639.336
2	Thuế TTĐB	21.371.662	10.547.488	8.204.116	23.715.034
3	Thuế TNDN	4.647.563.822	3.993.176.324	4.232.776.065	4.407.964.081
4	Thuế TNCN	384.174.474	413.579.596	574.704.550	223.049.520
5	Thuế tài nguyên	1.399.221.942	6.740.819.647	7.342.149.972	797.891.617
6	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	466.771.586	466.771.586	0
7	Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	1.060.835.234	36.966.715	750.257.949	347.544.000
8	Phí, lệ phí và các khoản phải nợ khác	347.544.000	5.108.797.546	5.456.341.546	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.860.711.134</b>	<b>29.653.256.563</b>	<b>28.147.164.109</b>	<b>9.366.803.588</b>

**Bảng 3:** Chi tiết tổng vốn đầu tư thực hiện năm 2019

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019
1	Mỏ Nhà Bóp - Pù sáp	3,5	3,6
2	Mỏ Nhà Duông	3,0	
3	Mỏ Bó Nặm	10,0	1,3
4	Nhà máy sản xuất bột kẽm ôxít	20,6	
5	Nâng cấp công nghệ xử lý môi trường, Nhà máy luyện chì, Nhà máy tuyển nổi, Lò luyện chì mới	16,5	11,8
	- Nhà chứa xỉ thải, nguyên liệu	4,0	3,6
	- Hệ thống phối trộn nguyên liệu luyện chì, kênh làm lạnh	1,5	1,0
	- Xử lý khói khí nhà máy luyện chì	6,0	2,3
	- Hồ chứa đuôi thải xởng tuyển	5,0	2,3
	- Hệ thống vắt tinh quặng chì		1,0
	- Lò luyện chì mới, Xởng ép viên		1,6
6	Xử lý ác quy chì phế thải	12,0	
7	Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Công ty con (Công ty TNHH Việt Trung)	7,5	0,5
8	Xây tòa nhà văn phòng Thái Nguyên	27,66	0,1
<b>Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7+8)</b>		<b>100,76</b>	<b>17,3</b>

## 2. Công tác nhân sự:

### 2.1. Ban điều hành Công ty:

Hiện nay Ban điều hành gồm 05 thành viên cụ thể như sau:

**Bảng 4:** Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đình Văn Hiến	Tổng giám đốc	
2	Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng giám đốc	
3	Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng giám đốc	
4	Trần Văn Quyền	Phó Tổng giám đốc	
5	Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/12/2019

### 2.2. Các quyết định quan trọng về tổ chức bộ máy, nhân sự Công ty:

- Trên cơ sở về tổ chức bộ máy, nhân sự và các đơn vị trực thuộc đã được thành lập, trong năm 2019 không có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức.
- Về nhân sự cấp cao, trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Đỗ Đình Thắng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc.
- Trong năm 2019, Tổng giám đốc đã ký các quyết định bổ nhiệm đối với Chánh văn phòng, Phó phòng Tài chính kế toán, Giám đốc Xí nghiệp Khai thác và chế biến khoáng sản Chợ Đồn.

### 2.3. Tổng số lao động toàn Công ty năm 2019:

Tổng số lao động của toàn Công ty là gần 700 người, trong đó Công ty con hơn 200 người.

### 2.4. Công tác đào tạo:

Trong năm 2019 Công ty đã thực hiện các khóa đào tạo, huấn luyện liên quan đến vật liệu nổ, hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.

## 3. Kết quả triển khai thực hiện các dự án đầu tư:

### 3.1. Hoạt động khai thác năm 2019:

- Mỏ Nà Bốp - Pù Sáp tiếp tục hoạt động ổn định, sản lượng khai thác đạt 22.836,95 tấn quặng.
- Mỏ Lũng Váng sản lượng đạt 1.643,99 tấn quặng.
- Mỏ nước khoáng AVA: Do nhà máy dừng hoạt động lâu năm nên nhà xưởng, máy móc thiết bị đã hư hại, giảm sút giá trị, trong khi việc cấp giấy phép khai thác mỏ gặp nhiều khó khăn, dự án có nguy cơ bị thu hồi. Vì vậy Công ty đã tìm nhà đầu tư phù hợp là Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại TNG để bán thanh lý toàn bộ tài sản trên đất của nhà máy nước khoáng AVA với giá là 11 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Công ty đã làm thủ tục chấm dứt dự án nhà máy nước khoáng AVA và trả lại nhà nước quyền sử dụng khu đất của nhà máy để bên mua tài sản trên đất được phép tiếp tục thuê đất.

### **3.2. Hoạt động sản xuất, chế biến:**

- Nhà máy luyện chì: Nhà máy hoạt động ổn định. Sản lượng sản xuất đạt 4.698,723 tấn chì kim loại (hàm lượng Pb  $\geq$  97%).
- Nhà máy sản xuất bột kẽm ôxít: Đã cải tạo, sửa chữa xong; tiếp tục hoàn thiện các thủ tục về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải nguy hại để có nguồn nguyên liệu mới phục vụ sản xuất.
- Sản xuất, kinh doanh đồ uống: Nhà máy CBRQ-NGK Bắc Kạn chỉ duy trì sản xuất nước đóng bình nhựa 20 lít để phục vụ nội bộ trong công ty và bán ở thị trường thành phố Bắc Kạn.

### **3.3. Hoạt động thăm dò:**

- Mỏ Bó Nặm: Ngày 11/01/2019 đã được cấp giấy phép thăm dò và Công ty đang triển khai công tác thăm dò.
- Mỏ Nà Duồng: Hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác (hiện đang chờ cấp phép).

### **3.4. Hoạt động đầu tư khác:**

Năm 2019 Công ty có các hoạt động đầu tư ra bên ngoài như sau:

- Mua thêm 189.200 cổ phần phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Bến xe Nghệ An tương đương số tiền 1.892.000.000 đồng.
- Góp thêm vốn vào Công ty con là Công ty TNHH Việt Trung đưa vốn điều lệ của Công ty con sau khi góp vốn là 20 tỷ đồng; số tiền đầu tư 9.632.000.000 đồng.

## **III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020**

### **1. Về khai thác khoáng sản**

- Tiếp tục khai thác mỏ Nà Bốp - Pù Sáp đạt sản lượng 18.100 tấn quặng/năm.
- Khai thác mỏ Lũng Váng đạt công suất được cấp phép 1.370 tấn quặng/năm. Hoàn thiện công tác thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ theo quy định để nâng công suất khai thác lên khoảng 17.000 tấn quặng/năm.

Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid 19, hoạt động giao thương giữa các nước bị hạn chế nên giá kim loại trên thị trường sụt giảm sâu dẫn đến hàng tồn kho, khó tiêu thụ; hoạt động khai thác diễn ra cầm chừng, chủ yếu là duy trì việc làm cho người lao động. Đến tháng 4/2020 giá kim loại đã giảm thấp hơn nhiều so với giá vốn, ngoài ra sản phẩm tinh quặng kẽm tồn kho từ năm 2018 vì vậy Công ty không đủ nguồn lực để duy trì sản xuất nên Công ty đã báo cáo Chủ tịch HĐQT và Ủy ban nhân dân tỉnh trong tháng 4 năm 2020 tạm dừng khai thác tại mỏ Nà Bốp - Pù Sáp và mỏ Lũng Văng - Công ty TNHH Việt Trung, từ đó phải tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động với 257 cán bộ công nhân lao động, do vậy sản lượng khai thác sẽ không đạt được như kế hoạch.

595  
TY  
IẢN  
3 SÁ  
CAN  
T.BÁ

- Mỏ Nà Duồng: Dự kiến đi vào hoạt động có sản phẩm trong Quý III/2020 với công suất khai thác 4.750 tấn quặng/năm và quý III, IV/2020 kế hoạch dự kiến 1.200 tấn.
- Tạm dừng hoạt động thăm dò mỏ chì kẽm Bó Nặm theo giấy phép đã được cấp.

## 2. Về chế biến khoáng sản

- Tiếp tục thuê Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã tuyển quặng từ mỏ Nà Bốp - Pù Sáp, Lũng Váng theo thực tế khai thác và mỏ Nà Duồng (sau khi được cấp phép khai thác).
- Vận hành nhà máy luyện chì đạt sản lượng 6.000 tấn/năm; chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu bên ngoài để đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định, đạt công suất.
- Xây dựng thêm 01 lò chì mới để đảm bảo hoạt động liên tục của nhà máy (đã triển khai xong, đang tiến hành tìm mua nguyên liệu và đàm phán với một số đối tác về số lượng, chất lượng và giá).
- Dự kiến đưa Nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít đi vào hoạt động với công suất đạt 7.500 tấn sản phẩm trong năm 2020.
- Nâng cấp công nghệ xử lý môi trường nhà máy luyện chì, nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít; hoàn thiện các thủ tục pháp lý xử lý chất thải nguy hại để xử lý phế liệu ác quy chì, bụi khói lò luyện thép và bùn dương cực cung cấp thêm nguyên liệu cho nhà máy luyện chì và nhà máy sản xuất bột kẽm ô xít. Hoàn thiện thủ tục pháp lý, tiến hành xây dựng đũa bãi chứa thải mới của xưởng tuyển nổi vào hoạt động.

## 3. Các hoạt động khác:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng tại thành phố Thái Nguyên với quy mô 10 tầng nổi, 01 tầng bán hầm, 01 tầng tum trên diện tích khu đất 237,4m<sup>2</sup> theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2133/QĐ-UBND ngày 12/07/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Tiếp tục triển khai các dự án đã được ĐHCĐ phê duyệt nhu cầu vốn trong các kỳ đại hội trước khi đủ điều kiện.
- Tiếp tục rà soát từng khâu trong khai thác để cắt giảm tối đa chi phí, giảm giá thành khai thác.

## 4. Các chỉ tiêu chính năm 2020:

**Bảng 5:** Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2020

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh kế hoạch năm 2020 với thực hiện năm 2019 (%)
1	Khối lượng sản phẩm khai thác	Tấn	24.480,94	20.667	84,42
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (HL: 60% Pb)	Tấn	4.761,5	4.018	84,38
	- Tinh quặng kẽm (HL: 50% Zn)	Tấn	3.236,3	3.214	99,31

	- Khối lượng sản phẩm chì thỏi	Tấn	4.698,72	6.000	127,69
3	Khối lượng sản phẩm xuất bán				
	- Khối lượng xuất bán tinh quặng kẽm	Tấn	0	2.000	100
	- Khối lượng xuất bán chì thỏi	Tấn	5.627,91	5.600	99,50
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	235,10	266,6	113,40
5	Giá vốn	Tỷ đồng	210,80	244	115,75
6	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	4,37	0,2	4,58
7	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	10,30	12	116,50
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	13,78	13	94,34
9	Thu nhập khác	Tỷ đồng	14,79	4,60	31,10
10	Chi phí khác	Tỷ đồng	2,65	1,50	56,60
11	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	16,73	0,9	5,38
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Tỷ đồng	3,96	0,18	19,95
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	12,77	0,72	0,86
14	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	28,147	24,14	86%
15	Nộp bảo hiểm	Tỷ đồng	6,355	5,20	95%
16	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	7,5	7,4	99%

\* Nguyên nhân chính của lợi nhuận sau thuế TNDN của kế hoạch năm 2020 giảm so với kết quả đạt được năm 2019:

- Năm 2020 sản lượng khai thác dự kiến bằng 84,42% của sản lượng năm 2019. Do vậy giá vốn (giá thành sản xuất) của kế hoạch năm 2020 sẽ cao hơn năm 2019.
- Do tinh quặng kẽm sản xuất ra chưa bán được nên vốn vay tăng dẫn đến chi phí tài chính dự kiến năm 2020 tăng.
- Năm 2019 lợi nhuận sau thuế TNDN từ chuyển nhượng tài sản nhà máy nước khoáng AVA là 8 tỷ đồng.

#### 5. Nhu cầu vốn năm 2020:

**Bảng 6:** Nhu cầu vốn cho các dự án của Công ty năm 2020

DVT: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
1	Mỏ Nhà Bóp - Pù sáp	6,4	Sử dụng vốn tự có của DN và vốn vay
2	Mỏ Nhà Duồng (theo GCN đầu tư)	13,3	Sử dụng vốn tự có của DN và vốn vay
3	Nâng cấp công nghệ xử lý môi trường, Nhà máy luyện chì, Nhà máy tuyển nổi, Lò luyện chì mới	46	Sử dụng vốn tự có của DN và vốn vay
	- Xử lý khói khí nhà máy luyện chì, nhà máy bột kẽm, nhà máy tuyển	20	
	- Hồ chứa đuôi thải xường tuyển	8,3	
	- Lò luyện chì mới	1	
	- Xưởng ép viên	1,7	
	- Buồng túi vải	15	
4	Xử lý ắc quy chì phế thải	12	Sử dụng vốn tự có của DN và vốn vay
5	Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Công ty con (Công ty TNHH Việt Trung)	7	Sử dụng vốn tự có của DN và vốn vay
6	Xây tòa nhà văn phòng Thái Nguyên	27,5	Sử dụng vốn tự có của DN và vốn vay
	<b>Tổng cộng (1+2+3+4+5+6)</b>	<b>112,2</b>	

Ngoài ra căn cứ tình hình thực tế đề nghị ĐHĐCĐ giao HĐQT chủ động cân đối quyết định nhu cầu sử dụng thêm vốn lưu động để mua nguyên liệu phục vụ Nhà máy luyện chì và bột kẽm ô xít gồm Bụi khói lò luyện thép, bùn dương cực, chì ắc quy phế, tinh quặng, quặng chì... từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng ./.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BTGD;
- BKS;
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.



**Đinh Văn Hiến**



## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

**Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn!**

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (“BKS”) báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 như sau:

### I. Tình hình chung

Trước tác động của giá kim loại xuống thấp đã ảnh hưởng đến chỉ tiêu doanh thu. Khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, nhất là tinh quặng kẽm vẫn còn tồn kho một lượng rất lớn. Nhưng với quyết tâm của HĐQT định hướng dẫn dắt công ty và những cố gắng của Ban Tổng giám đốc đã giúp Công ty hoạt động tương đối hiệu quả.

Trong năm 2019, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Công ty như: Báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2019; Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; Xem xét thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán; Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019.

### II. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

#### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

**Bảng 1: Chỉ tiêu sản xuất và kết quả thực hiện năm 2019**

ĐVT: Tấn

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	% hoàn thành KH	% thực hiện 2019/2018
1	Khai thác quặng nguyên khai	27.650	24.480,94	29.355	88,54	83,40
2	Tinh quặng chì (60%)	5.600	5.282,60	5.689	94,33	92,86

3	Tinh quặng kẽm (50%)	4.100	3.236,33	3.903	78,93	82,92
4	Chì kim loại ( $\geq 97\%Pb$ )	4.200	4.698,72	3.100	111,87	151,57
5	Chì kim loại xuất bán	4.500	5.627,91	2.165	125,06	259,95

**Bảng 2:** Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2019

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% hoàn thành KH
1	Tổng doanh thu	268,5	235,186	87,59
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	12	12,773	106,44

BKS đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau:

- Hoạt động khai thác và chế biến (tinh quặng) đều không đạt kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đề ra, chỉ tiêu này so với năm trước cũng đều thấp hơn. Cụ thể khai thác quặng chỉ đạt 88,54% kế hoạch và chỉ bằng 83,40% so với năm trước dẫn tới chỉ tiêu tinh quặng đều đạt thấp.
- Đối với hoạt động chế biến sâu (luyện kim) thì đều tăng so với kế hoạch là 11,87% và thực hiện năm trước tăng tới 51,57%.
- Năm qua ở khâu tiêu thụ sản phẩm (chì thỏi  $\geq 97\%Pb$ ) đều vượt kế hoạch, đặc biệt so với năm trước tăng tới 160%. Nhưng doanh thu lại không đạt như kỳ vọng, thấp hơn kế hoạch và chỉ tăng hơn năm trước 30,2%. Điều này cho thấy giá kim loại trên thị trường càng xuống thấp và giảm sâu.
- Về hiệu quả việc kiểm soát chi phí tạo ra lợi nhuận cho thấy giá bán thì xuống thấp, nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng tới 6,44% tạo ra chủ yếu ở lợi nhuận khác. Vậy thì: hoặc trong năm qua ban điều hành đã quản lý rất tốt chi phí; hoặc cơ cấu chi phí kế hoạch cần phải xây dựng sát thực tế hơn.

## 2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư năm 2019

### 2.1. Dự án khai thác mỏ chì, kẽm Nà Bốp-Pù Sáp và Lũng Váng

Mặc dù sản lượng khai thác quặng không đạt kế hoạch, nhưng có thể nói đối với nghề làm mỏ này, thời điểm này là ổn định.

### 2.2. Dây chuyền tuyển nổi quặng sunfua chì kẽm

Thực hiện thuê Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã tuyển nổi quặng sunfua từ các mỏ của Công ty chuyển về.

### 2.3. Dự án Nhà máy luyện chì

Có thể nói hoạt động luyện chì ổn định, người lao động và cán bộ quản lý càng ngày làm chủ công nghệ.

### 2.4. Một số dự án khác

Mỏ Nà Duồng, Mỏ Bó Nặm, Bột kềm ô xít, Xử lý thải rắn, Hồ chứa thải xường tuyển, Nhà văn phòng Thái Nguyên, Xử lý môi trường nhà máy luyện chì, ... thì có dự án gần như không thực hiện, hoặc chỉ thực hiện một phần, hoặc có những dự án thì rất hiệu quả như: Hệ thống vắt tinh quặng chì;

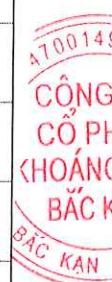
## III. Tình hình tài chính đến 31/12/2019

Trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán, BKS tổng hợp một số nội dung tính đến thời điểm ngày 31/12/2019 như sau:

**Bảng 3. Một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2019**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2018
1. Tổng tài sản	361.473.077.688	295.358.356.821
Trong đó:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.659.187.880	315.858.096
- Các khoản phải thu ngắn hạn	113.669.288.358	23.204.313.514
- Hàng tồn kho	110.047.241.401	122.124.865.705
- Tài sản ngắn hạn khác	4.046.230.167	3.426.082.588
- Các khoản phải thu dài hạn	2.024.265.590	2.258.075.980
- Tài sản cố định	82.552.585.348	90.497.433.126
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.245.898.905	19.949.581.300
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	19.988.251.895	16.498.016.075
- Tài sản dài hạn khác	13.240.128.144	17.084.130.437
2. Tổng nguồn vốn	361.473.077.688	295.358.356.821



Trong đó:		
- Nợ phải trả ngắn hạn	201.544.777.787	150.627.746.908
- Nợ phải trả dài hạn	5.000.000.000	2.575.500.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	117.377.280.000	117.377.280.000
- Thặng dư vốn cổ phần	17.052.895.190	17.052.895.190
- Các quỹ khác	15.574.071.618	15.574.071.618
- Lợi nhuận chưa phân phối	4.924.053.093	(7.849.136.895)

#### **IV. Công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc**

##### **1. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông**

###### **1.1. Đối với Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, trong năm 2019 BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Qua giám sát, BKS đánh giá HĐQT tổ chức triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Các vấn đề, nội dung cuộc họp được HĐQT chuẩn bị đầy đủ, chu đáo và được thảo luận công khai, biểu quyết thông qua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.
- Các phiên họp của HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Hoặc những quyết định quan trọng của HĐQT mà không thể họp trực tiếp thì đều xin ý kiến bằng email đảm bảo tuân thủ quy định Pháp luật và Điều lệ công ty.

###### **1.2. Đối với Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT và thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Cụ thể:

- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh: Việc sản xuất kinh doanh năm 2019 tuy gặp nhiều khó khăn nhưng nhìn chung Ban Tổng giám đốc luôn triển khai kịp thời, đảm bảo tiến độ. Quản lý đầu vào, đầu ra trong công tác quản trị doanh nghiệp có tiến bộ. Các báo cáo định kỳ, bất thường đối với công ty đại chúng Công ty thực hiện tốt. Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Các chế độ lương, thưởng, phúc lợi, bảo hiểm được thực hiện đầy đủ.
- Công tác đầu tư: Thực hiện đầu tư bổ sung vốn cho Công ty TNHH Việt Trung; Mua cổ phần của Cty CP Bến xe Nghệ An.
- Công tác kế toán: Thực hiện nghiêm túc việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo năm đúng quy định đối với

Công ty đại chúng. Kiểm toán viên đã có ý kiến, báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp. Nhưng cũng cần phải quan tâm đến ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

### 1.3. Đối với cổ đông

Qua công tác giám sát, BKS không phát hiện cổ đông của Công ty vi phạm các quy định của Luật Chứng khoán, vi phạm công bố thông tin. Trong năm BKS cũng không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

## 2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong quá trình thực hiện chức năng giám sát của mình, BKS luôn nhận được sự phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận, cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS năm 2019, kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 xem xét và cho ý kiến.

Cuối cùng xin chúc quý vị Đại biểu, quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc Công ty thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, kế hoạch trong năm 2020.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

#### **Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- CVP, TKCT;
- Lưu: BKS.



**Nguyễn Thế Phòng**

Số: 09 /TTr – HĐQT

Bắc Kạn, ngày 10 tháng 06 năm 2020

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2019  
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020**

**Kính gửi :** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 như sau:

**1. Phân phối lợi nhuận năm 2019:**

- Trong năm 2019 lợi nhuận đạt kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019: 12.773.189.988 đồng.
- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2019 có kế hoạch phân phối lợi nhuận như sau:
  - + ) Bù lỗ năm 2018: 8.996.192.491 đồng.
  - + ) Số lợi nhuận còn lại sau khi bù lỗ năm 2018: 3.776.997.497 đồng, bổ sung vào nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

**2. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:**

- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 lãi: 720.000.000 đồng.
- Dự kiến kế hoạch phân phối: Bổ sung vào nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Trên đây là tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 và dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ;
- HĐQT; BKS;
- BTGD
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.



**Vũ Phi Hồ**

Số: 10 /TTr – HĐQT

Bắc Kạn, ngày 10 tháng 6 năm 2020

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2019 và đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2020**

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ vào thực tế hoạt động của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tờ trình về việc Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2019 và đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2020 như sau:

**I. Thù lao Hội đồng quản trị:**

1. Tổng mức thù lao HĐQT năm 2019 là: 1.080.000.000 đồng, cụ thể:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2019		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	50.000.000	12	600.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	10.000.000	12	480.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.080.000.000</b>

2. Đề xuất thù lao HĐQT năm 2020 như sau:

2.1. Từ tháng 1 đến tháng tháng 3 năm 2020:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2020		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)

1	Chủ tịch HĐQT	01	50.000.000	3	150.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	10.000.000	3	120.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>270.000.000</b>

2.2. Từ tháng 4 đến tháng tháng 12 năm 2020: Giảm 20%

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2020		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	40.000.000	9	360.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	8.000.000	3	288.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>648.000.000</b>

2.3. Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2020: 918.000.000 đồng

## II. Thù lao của Ban kiểm soát:

1. Tổng mức thù lao Ban kiểm soát năm 2019: 120.000.000 đồng, cụ thể:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2019		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>120.000.000</b>

2. Đề xuất mức thù lao Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

2.1. Từ tháng 1 đến tháng tháng 3 năm 2020:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao 2020		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	3	12.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	3	18.000.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>30.000.000</b>



2.2. Từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2020: Giảm 20%

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao 2020		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	3.200.000	9	28.800.000
2	Thành viên BKS	02	2.400.000	9	43.200.000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>72.000.000</b>

2.3. Tổng thù lao Ban kiểm soát năm 2020: 102.000.000 đồng

### III. Thù lao của Thư ký công ty .

3.1. Tổng thù lao Thư ký công ty năm 2019: 36.000.000 đồng.

(3.000.000 đồng/tháng)

3.2. Đề xuất mức thù lao Thư ký công ty năm 2020:

3.2.1. Từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2020: 3.000.000 đồng/tháng.

3.2.2. Từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2020: 2.400.000 đồng/tháng (Giảm 20%)

3.2.3. Tổng thù lao Thư ký công ty năm 2020: 30.600.000 đồng.

Trên đây là nội dung tờ trình về việc báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2019 và đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2020. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

#### Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT; BKS;
- BTGD
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Phi Hồ**



Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2020

### Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020

**Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Ban kiểm soát (“BKS”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2020 của Công ty như sau:

#### **1. Các tiêu chí đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập**

BKS đề xuất với ĐHCĐ các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên có năng lực, trình độ, nhiều kinh nghiệm kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định của các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán và các điều kiện, mục tiêu phù hợp khác theo yêu cầu của Công ty.

#### **2. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau**

Với các tiêu chí lựa chọn nêu trên; Sau khi nghiên cứu hồ sơ năng lực của các Công ty kiểm toán, BKS đề xuất ĐHCĐ thường niên năm 2020 lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau để soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (là đơn vị đã kiểm toán cho Công ty năm 2018, 2019)
- Công ty TNHH Kiểm toán ASCO
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY

#### **3. Kiến nghị của Ban kiểm soát**

BKS kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2020 của Công ty.

Trên đây là ý kiến đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- CVP, TKCT;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thế Phòng**



Bắc Kạn, ngày tháng 06 năm 2020



**QUY CHẾ LÀM VIỆC  
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, cụ thể như sau:

**I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI**

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự họp ĐHĐCĐ ăn mặc chỉnh tề.
2. Cổ đông khi vào phòng họp ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc hướng dẫn sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng họp.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc chuyển sang chế độ rung không chuông.
5. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi cuộc họp kết thúc thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ biểu quyết tại Đại hội.

**II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

1. Quyền và nghĩa vụ các cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ.

1.1. Điều kiện tham dự họp ĐHĐCĐ.

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu BKC theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 01/6/2020 hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự họp ĐHĐCĐ.

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự họp ĐHĐCĐ cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp.
- CMND/Căn cước công dân/hộ chiếu (bản chính).

- Bản chính Giấy ủy quyền và bản sao CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu/GCNĐKDN của người ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ).

*(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký tên bởi người đại diện pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).*

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận 01 Thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết ghi rõ họ tên cổ đông, mã số tham dự Đại hội (do Ban tổ chức gán cho mỗi cổ đông) và số phiếu biểu quyết (bằng số cổ phần sở hữu của mỗi cổ đông tại ngày 01/6/2020 - ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2020).

b. Cổ đông tham dự và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

c. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ muốn phát biểu thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa; phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký đại hội.

d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ công ty.

e. Cổ đông tới dự họp ĐHĐCĐ sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây rối mất trật tự làm ảnh hưởng đến cuộc họp.

g. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay; sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký được tham dự và tham gia biểu quyết bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

## 2. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tọa.

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) là Chủ tọa của Đại hội.

2.2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2.3. Chủ tọa Đại hội có nhiệm vụ:

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, quy chế đã được Đại hội thông qua.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Giới thiệu Ban thư ký đại hội, Ban kiểm phiếu đại hội và trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.
- Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.
- Giải quyết các khiếu nại về ĐHĐCĐ (nếu có).

2.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc biện pháp an ninh khác.
- Yêu cầu bộ phận chức năng duy trì trật tự tại cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc đổi địa điểm họp, nhưng không quá 03 ngày kể từ ngày được mời dự họp chính thức, trong trường hợp sau:

- Địa điểm không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự cuộc họp;
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

### 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ do Ban Tổ chức Đại hội thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra giấy tờ, công nhận người đến dự họp hợp lệ, phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết cho người đến dự họp; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

### 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ

4.1. Ban Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

4.2. Ban Thư ký ĐHĐCĐ thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Đại hội;
- Soạn thảo, hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.



- Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc.

5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

5.1. Ban kiểm phiếu Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

5.2. Ban Kiểm phiếu Đại hội có nhiệm vụ:

- Thống kê, tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung.

- Thực hiện việc phát phiếu, kiểm phiếu.

- Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả biểu quyết của các cổ đông trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

### **III. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI**

1. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2. Nguyên tắc và cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại chương trình ĐHĐCĐ.

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn).

3. Cách biểu quyết

- Cổ đông biểu quyết (theo thứ tự “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không có ý kiến”) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề tại Đại hội đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban Kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng với từng cổ đông đồng ý trên Thẻ biểu quyết. Và tương tự, đối với các ý kiến còn lại.

Cổ đông đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết về các nội dung mình đã biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức.

4. Thẻ lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

- Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có

mặt tại Đại hội chấp thuận. Đối với các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

#### **IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI**

##### **1. Nguyên tắc**

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp; việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nghị sự; cổ đông có ý kiến phải đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội; Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

##### **1. Cách thức phát biểu.**

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua, không dùng lời lẽ xúc phạm hoặc gây mất trật tự tại Đại hội. Chủ tọa cuộc họp sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự chương trình làm việc và đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của các cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

#### **V. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản họp của ĐHĐCĐ.
2. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
3. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Phi Hồ**





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Số: /2020/NQ-ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày tháng 06 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/BB-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2020,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn nhất trí thông qua:

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020.
4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.
5. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.
6. Tờ trình về báo cáo Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2019 và đề xuất mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2020.
7. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2020.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GD&ĐT;
- HĐQT, BTGD;
- BKS;
- TKCT;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Vũ Phi Hồ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9 - 31



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.**

Trụ sở chính của Công ty tại: tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: **BKC.**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch
	Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên
	Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 19/12/2019

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng năm kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Đình Văn Hiến**  
**Tổng Giám đốc**

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 3 năm 2020

Số: 371/2020/BCKT-BCTCR/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kính gửi:** **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, được lập ngày 29/3/2020, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn – Lào cho năm tài chính kết thúc tại thời điểm 31/12/2019. Chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng hợp lý về khả năng thu hồi của khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2019. Do đó, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về khả năng thu hồi của khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2019 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

**Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**Vấn đề nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.3 Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm 31/12/2019, trong số dư Phải thu khác dài hạn của Công ty có các khoản phải thu chuyển tiền ứng vốn lưu động cho Công ty con - Công ty TNHH Việt Trung phục vụ sản xuất kinh doanh theo thỏa thuận tại hợp đồng số 156 ngày 08/12/2016. Các khoản phải thu này không có các tài sản đảm bảo nên có thể tồn tại rủi ro về khả năng thu hồi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng sẽ thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu này trong tương lai và không có ảnh hưởng trọng yếu khác đến Báo cáo tài chính



A blue handwritten signature.

**Phan Thanh Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2020

**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>221.217.097.775</b>	<b>146.568.953.523</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.561.252.203</b>	<b>273.202.963</b>
1. Tiền	111		2.561.252.203	273.202.963
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>106.292.572.440</b>	<b>22.885.262.779</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	106.045.067.787	24.296.086.395
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.530.450.207	1.548.372.459
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.927.990.388	2.283.810.922
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(5.210.935.942)	(5.243.006.997)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>109.685.754.963</b>	<b>121.014.751.908</b>
1. Hàng tồn kho	141		111.137.095.947	121.014.751.908
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.451.340.984)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.677.518.169</b>	<b>2.395.735.873</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	2.357.385.398	2.254.920.563
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		56.521.899	140.815.310
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	263.610.872	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>162.781.011.139</b>	<b>165.323.323.150</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50.025.042.201</b>	<b>40.592.828.249</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	50.025.042.201	40.592.828.249
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>76.437.049.471</b>	<b>84.135.239.006</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	76.158.790.736	83.777.477.775
- Nguyên giá	222		185.296.490.481	177.821.510.984
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.137.699.745)	(94.044.033.209)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	278.258.735	357.761.231
- Nguyên giá	228		1.111.264.959	1.845.379.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(833.006.224)	(1.487.617.855)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12.467.648.099</b>	<b>19.171.330.494</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	12.467.648.099	19.171.330.494
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>19.988.251.895</b>	<b>16.498.016.075</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	10.368.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.205.922.401	6.205.922.401
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.257.416.075	13.365.416.075
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.475.086.581)	(13.441.322.401)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.863.019.473</b>	<b>4.925.909.326</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.863.019.473	4.925.909.326
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>383.998.108.914</b>	<b>311.892.276.673</b>
(270 = 100+200)	<b>270</b>			

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>197.031.857.432</b>	<b>140.082.358.117</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>192.031.857.432</b>	<b>137.506.858.117</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	12.224.618.145	12.417.291.360
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		637.775.688	3.137.736.688
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	9.271.090.348	7.465.484.436
4. Phải trả người lao động	314		3.473.836.731	3.712.454.016
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	6.485.327.456	882.397.265
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	13.810.168.577	13.881.302.734
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	146.052.499.737	95.933.650.868
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>2.575.500.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	-	18.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	5.000.000.000	2.557.500.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>186.966.251.482</b>	<b>171.809.918.556</b>
<b>(400 = 410+430)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>186.966.251.482</b>	<b>171.809.918.556</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.377.280.000	117.377.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	15.574.071.618
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.962.004.674	21.805.671.748
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.805.671.748	6.065.910.346
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.156.332.926	15.739.761.402
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>383.998.108.914</b>	<b>311.892.276.673</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Tuyết

Trần Thị Yến

Đình Văn Hiến

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	234.184.850.605	180.671.504.522
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		234.184.850.605	180.671.504.522
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	199.905.153.897	148.860.964.578
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		34.279.696.708	31.810.539.944
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	4.372.784.047	91.746.521
7. Chi phí tài chính	22	5.20	19.966.227.857	3.542.094.212
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.932.463.677	5.401.988.558
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	12.114.809.650	12.232.552.152
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		6.571.443.249	16.127.640.101
11. Thu nhập khác	31	5.22	14.712.139.636	6.130.149.146
12. Chi phí khác	32	5.22	2.167.878.760	2.319.056.905
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	12.544.260.876	3.811.092.241
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		19.115.704.125	19.938.732.342
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	3.959.371.199	4.198.970.940
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		15.156.332.926	15.739.761.402

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Tuyết

Trần Thị Yến

Đình Văn Hiến

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.115.704.125	19.938.732.342
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	19.274.579.766	18.165.192.661
- Các khoản dự phòng	03	9.913.228.315	(2.158.577.574)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.855.529.582)	(1.293.222.155)
- Chi phí lãi vay	06	11.932.463.677	5.401.988.558
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	46.380.446.301	40.054.113.832
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(89.562.423.727)	(12.303.074.270)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.877.655.961	(69.547.698.549)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	960.934.471	18.361.030.697
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.595.976.560	(1.160.395.901)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.231.842.836)	(5.807.994.831)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.232.776.065)	(1.184.256.349)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(43.212.029.335)</b>	<b>(31.588.275.371)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.025.513.843)	(9.793.543.980)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	10.000.000.000	2.141.935.308
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.524.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	488.243.549	91.746.521
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(7.061.270.294)</b>	<b>(7.559.862.151)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	226.898.625.286	142.120.834.922
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(174.337.276.417)	(112.405.622.807)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>52.561.348.869</b>	<b>29.715.212.115</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>2.288.049.240</b>	<b>(9.432.925.407)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>273.202.963</b>	<b>9.706.128.370</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>2.561.252.203</b>	<b>273.202.963</b>

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Tuyết

Trần Thị Yến



Đình Văn Hiến

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.**

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: **BKC.**

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Số lao động bình quân trong năm: 406 người

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản; Chung, tinh cát và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,....

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

*Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:*

Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Bằng Lăng  
 Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn  
 Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng  
 Xí nghiệp Khai thác mỏ Pù Sáp  
 Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên  
 Chi nhánh Nhà máy nước khoáng AVA (Đang tạm ngừng hoạt động)  
 Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn  
 Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội  
 Văn phòng đại diện tại thủ đô Vientiane – Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

*Tại ngày 31/12/2019, Các Công ty, công ty liên kết của Công ty như sau:*

	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>Công ty con</b>			
Công ty TNHH Việt Trung	Khai thác khoáng sản	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Thương mại, du lịch (Tạm ngừng hoạt động)	26,5%	26,5%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Lào	Khai thác khoáng sản (Chưa hoạt động)	23%	23%

**1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG -**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất, quyền khai thác và phần mềm tin học.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019
	<u>Thời gian khấu hao</u>
	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05- 06

TSCĐ vô hình bao gồm quyền khai thác nước khoáng, chi phí sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao cụ thể:

	Năm 2019
	<u>Số năm</u>
Quyền khai thác nước khoáng	05
Chi phí sử dụng đất	20

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

##### Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

##### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí lãi vay, chi phí xây dựng: trích trước theo chi phí thực tế đã phát sinh

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	301.535.967	47.045.808
Tiền gửi ngân hàng	2.259.716.236	226.157.155
<b>Tổng</b>	<b>2.561.252.203</b>	<b>273.202.963</b>

**5.2 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>106.045.067.787</b>	<b>24.296.086.395</b>
Công ty Cổ phần kim loại màu Bắc Bộ	102.401.441.888	-
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	12.000	20.492.044.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	753.213.279	913.641.775
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	12.000	20.492.044.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	2.136.003	-
Công ty TNHH Việt Trung	-	48.244.703
<b>Tổng</b>	<b>106.045.067.787</b>	<b>24.296.086.395</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

MÃU B 09 - DN

**5.3 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.927.990.388</b>	-	<b>2.283.810.922</b>	-
- Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc	462.590.470	-	462.590.470	-
- Phải thu khác	849.020.376	-	1.219.376.123	-
- Tạm ứng	616.379.542	-	601.844.329	-
<b>Dài hạn</b>	<b>50.025.042.201</b>	-	<b>40.592.828.249</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	1.457.756.851	-	1.691.567.241	-
Công ty TNHH Việt Trung (*)	48.567.285.350	-	38.901.261.008	-
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Việt Trung	48.567.285.350	-	38.901.261.008	-
<b>Tổng</b>	<b>51.953.032.589</b>	-	<b>42.876.639.171</b>	-

(\*) Công ty chuyển tiền ứng vốn lưu động cho Công ty con - Công ty TNHH Việt Trung phục vụ sản xuất kinh doanh theo thỏa thuận tại hợp đồng số 156 ngày 08/12/2016, lãi suất 0%.

**5.4 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.586.459.667	375.523.725	5.243.006.997	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	-	-	-	2.890.400.620
Các đối tượng khác	-	751.047.449	-	1.945.011.598
<b>Tổng</b>	-	<b>751.047.449</b>	-	<b>4.835.412.218</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.970.700.174	(1.451.340.984)	31.864.484.127	-
Công cụ, dụng cụ	1.499.705.669	-	1.597.409.119	-
Chi phí SX KDDD	8.200.635.761	-	21.214.146.549	-
Thành phẩm	48.881.977.832	-	62.812.592.144	-
Hàng hóa	27.584.076.511	-	3.522.069.969	-
<b>Tổng</b>	<b>111.137.095.947</b>	<b>(1.451.340.984)</b>	<b>121.014.751.908</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2019	86.543.275.230	81.036.921.336	7.867.030.744	441.630.205	1.932.653.469	177.821.510.984
Tăng trong năm	9.261.950.508	1.862.603.279	969.090.909	-	-	12.093.644.696
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.261.950.508	1.862.603.279	969.090.909	-	-	12.093.644.696
Giảm trong năm	3.171.025.705	1.350.639.494	-	97.000.000	-	4.618.665.199
Điều chuyển, phân loại lại	-	38.636.364	-	-	-	38.636.364
Thanh lý, nhượng bán	1.727.524.845	1.312.003.130	-	97.000.000	-	3.136.527.975
Điều chỉnh giảm do phá dỡ	1.443.500.860	-	-	-	-	1.443.500.860
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>92.634.200.033</b>	<b>81.548.885.121</b>	<b>8.836.121.653</b>	<b>344.630.205</b>	<b>1.932.653.469</b>	<b>185.296.490.481</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2019	37.119.386.619	50.500.714.175	4.100.553.383	411.327.181	1.912.051.851	94.044.033.209
Tăng trong năm	12.648.594.113	5.557.358.886	971.888.659	6.060.612	11.175.000	19.195.077.270
Khấu hao trong năm	12.648.594.113	5.557.358.886	971.888.659	6.060.612	11.175.000	19.195.077.270
Giảm trong năm	2.653.771.240	1.350.639.494	-	97.000.000	-	4.101.410.734
Điều chuyển, phân loại lại	-	38.636.364	-	-	-	38.636.364
Thanh lý, nhượng bán	1.727.524.845	1.312.003.130	-	97.000.000	-	3.136.527.975
Điều chỉnh giảm do phá dỡ	926.246.395	-	-	-	-	926.246.395
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>47.114.209.492</b>	<b>54.707.433.567</b>	<b>5.072.442.042</b>	<b>320.387.793</b>	<b>1.923.226.851</b>	<b>109.137.699.745</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2019	49.423.888.611	30.536.207.161	3.766.477.361	30.303.024	20.601.618	83.777.477.775
Tại 31/12/2019	45.519.990.541	26.841.451.554	3.763.679.611	24.242.412	9.426.618	76.158.790.736

Công ty đã thế chấp nhà xưởng và một số phương tiện với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 27.999.489.896 VND (tại 31/12/2018: 26.467.129.018 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 60.613.068.099 VND (tại 31/12/2018: 48.203.838.641 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Quyền khai thác</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2019	1.111.264.959	734.114.127	1.845.379.086
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	734.114.127	734.114.127
Thanh lý, nhượng bán	-	734.114.127	734.114.127
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>1.111.264.959</b>	<b>-</b>	<b>1.111.264.959</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2019	753.503.728	734.114.127	1.487.617.855
Tăng trong năm	79.502.496	-	79.502.496
Khấu hao trong năm	79.502.496	-	79.502.496
Giảm trong năm	-	734.114.127	734.114.127
Thanh lý, nhượng bán	-	734.114.127	734.114.127
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>833.006.224</b>	<b>-</b>	<b>833.006.224</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2019	357.761.231	-	357.761.231
Tại 31/12/2019	278.258.735	-	278.258.735

**5.8 Tài sản dở dang dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>31/12/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Nhà máy bột kẽm	3.678.956.378	3.678.956.378	11.149.779.826	11.149.779.826
Dự án mỏ Vàng Pắc Lạng	3.831.282.154	3.831.282.154	3.831.282.154	3.831.282.154
Nhà máy luyện chì	3.367.908.603	3.367.908.603	1.538.975.216	1.538.975.216
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Điểm mỏ chì kẽm	-	-	860.207.265	860.207.265
Nà Duồng, Tùm Tó	-	-	201.585.069	201.585.069
Công trình khác	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>12.467.648.099</b>	<b>12.467.648.099</b>	<b>19.171.330.494</b>	<b>19.171.330.494</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.9 Các khoản đầu tư dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		31/12/2019			01/01/2019		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>20.000.000.000</b>	<b>(20.000.000.000)</b>	-	<b>10.368.000.000</b>	<b>(10.368.000.000)</b>	-
Công ty TNHH Việt Trung	100%	100%	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-	10.368.000.000	(10.368.000.000)	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>			<b>6.205.922.401</b>	<b>(1.475.086.581)</b>	-	<b>6.205.922.401</b>	<b>(3.073.322.401)</b>	-
Công ty CP Đầu tư TM và Du lịch Bó Nặm	26,5%	26,5%	1.475.086.581	(1.475.086.581)	-	1.475.086.581	(1.475.086.581)	-
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào	23%	23%	4.730.835.820	-	-	4.730.835.820	(1.598.235.820)	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			<b>15.257.416.075</b>	-	-	<b>13.365.416.075</b>	-	-
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn			120.000.000	-	-	120.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An			15.137.416.075	-	-	13.245.416.075	-	-
<b>Tổng</b>			<b>41.463.338.476</b>	<b>(21.475.086.581)</b>	<b>(*)</b>	<b>29.939.338.476</b>	<b>(13.441.322.401)</b>	<b>(*)</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị dự phòng được trích lập trên khoản lỗ tại Báo cáo tài chính riêng của công ty được đầu tư theo phương pháp vốn chủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.10 Chi phí trả trước**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.357.385.398</b>	<b>2.254.920.563</b>
Chi phí Khai thác Mỏ Nà Bốp - Pù Sáp	-	861.194.607
Chi phí nhà máy luyện chì	225.656.229	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	535.535.600	-
Chi phí khác chờ phân bổ	1.596.193.569	1.393.725.956
<b>Dài hạn</b>	<b>3.863.019.473</b>	<b>4.925.909.326</b>
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nà Pốp-Pù Sáp	647.020.524	945.271.948
Chi phí sửa chữa, cải tạo	990.251.439	1.368.693.721
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.802.046.482	2.411.943.657
Chi phí khác chờ phân bổ	423.701.028	200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>6.220.404.871</b>	<b>7.180.829.889</b>

**5.11 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>12.224.618.145</b>	<b>12.224.618.145</b>	<b>12.417.291.360</b>	<b>12.417.291.360</b>
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	1.359.467.600	1.359.467.600	2.649.210.399	2.649.210.399
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quỳnh Trang	-	-	700.000.000	700.000.000
Công ty TNHH Thương mại Bảo Minh	-	-	837.781.424	837.781.424
Doanh nghiệp Tư nhân kinh doanh sản xuất Xây dựng Cường Lan	2.056.480.989	2.056.480.989	166.873.789	166.873.789
Phải trả đối tượng khác	8.808.669.556	8.808.669.556	8.063.425.748	8.063.425.748
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH tập đoàn Thiên mã	1.359.467.600	1.359.467.600	2.475.360.449	2.475.360.449
<b>Tổng</b>	<b>12.224.618.145</b>	<b>12.224.618.145</b>	<b>12.417.291.360</b>	<b>12.417.291.360</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.12 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
<b>Phải nộp</b>	<b>7.465.484.436</b>	<b>29.094.364.744</b>	<b>27.288.758.832</b>	<b>9.271.090.348</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	12.882.597.661	9.315.958.325	3.566.639.336
Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.371.662	10.547.488	8.204.116	23.715.034
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.647.563.822	3.993.176.324	4.232.776.065	4.407.964.081
- Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	4.647.563.822	3.959.371.199	4.198.970.940	4.407.964.081
- Truy thu thuế TNDN		33.805.125	33.805.125	-
Thuế thu nhập cá nhân	169.888.726	315.826.972	358.379.418	127.336.280
Thuế tài nguyên	1.218.280.992	6.279.680.452	6.700.069.827	797.891.617
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	466.771.586	466.771.586	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	1.060.835.234	36.966.715	750.257.949	347.544.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	347.544.000	5.108.797.546	5.456.341.546	-
<b>Phải thu</b>	-	-	<b>263.610.872</b>	<b>263.610.872</b>
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	-	263.610.872	263.610.872

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.485.327.456</b>	<b>882.397.265</b>
Chi phí lãi vay	4.383.506.756	682.885.915
Các khoản khác	2.101.820.700	199.511.350
<b>Tổng</b>	<b>6.485.327.456</b>	<b>882.397.265</b>

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.810.168.577</b>	<b>13.881.302.734</b>
Kinh phí công đoàn	1.248.743.117	1.488.149.135
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Phải trả, phải nộp khác	12.207.370.300	12.039.098.439
<i>Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (1)</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (2)</i>	<i>3.911.834.400</i>	<i>3.911.834.400</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại Trường Phong (3)</i>	<i>6.739.200.000</i>	<i>6.739.200.000</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>1.056.335.900</i>	<i>888.064.039</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>18.000.000</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	-	18.000.000
<b>Tổng</b>	<b>13.810.168.577</b>	<b>13.899.302.734</b>

- (1) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Pắc Lạng.
- (2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/3/2008 giữa Công ty và Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến hiện tại Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án nhưng Công ty chưa trả lại số tiền.
- (3) Phải trả chuyển tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Việt Trung.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.14 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

**a. Vay**

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>146.052.499.737</b>	<b>146.052.499.737</b>	<b>221.898.625.286</b>	<b>171.779.776.417</b>	<b>95.933.650.868</b>	<b>95.933.650.868</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	17.208.253.112	17.208.253.112	37.166.695.492	35.658.406.749	15.699.964.369	15.699.964.369
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (2)	29.944.430.734	29.944.430.734	58.581.929.794	58.620.185.559	29.982.686.499	29.982.686.499
Công ty Cổ phần bến xe Quảng Ninh (3)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	12.700.000.000	12.700.000.000	12.700.000.000
Công ty Cổ phần bến xe Nghệ An (4)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-
Hoàng Thị Thanh Hằng (5)	39.747.815.891	39.747.815.891	56.800.000.000	33.551.184.109	16.499.000.000	16.499.000.000
Nguyễn Thanh Hiến (5)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trần Minh Thành (5)	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Nguyễn Thế Hùng (5)	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Vũ Phi Hồ (5)	3.390.000.000	3.390.000.000	-	-	3.390.000.000	3.390.000.000
Hoàng Thị Minh Nguyệt (5)	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân khác (5)	8.262.000.000	8.262.000.000	21.850.000.000	15.750.000.000	2.162.000.000	2.162.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>2.557.500.000</b>	<b>2.557.500.000</b>	<b>2.557.500.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Kạn	-	-	-	2.557.500.000	2.557.500.000	2.557.500.000
Nguyễn Thanh Hiến (6)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>151.052.499.737</b>	<b>151.052.499.737</b>	<b>226.898.625.286</b>	<b>174.337.276.417</b>	<b>98.491.150.868</b>	<b>98.491.150.868</b>

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 21/2019-HĐCVHM/NHCT172-KHOANGSAN ngày 07/10/2019 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức cho vay: 18.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 07/10/2019. Lãi suất được xác định theo từng Giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng lần lượt là Hợp đồng thế chấp số: 04.10/2015/HĐTC ngày 30/11/2015; 01.07/2015/HĐTC ngày 28/07/2015; 03.06.14.HĐTC-DN ngày 11/07/2014; 06-18/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 07/02/2018; 43/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 11/12/2017; 42/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 11/12/2017; 33/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 17/08/2017; 21/2019/HĐBĐ/NHCT172 ngày 19/07/2019.

(2) Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2019/788949/HĐTD ký ngày 17/05/2019 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh và được xác định theo từng hợp đồng vay cụ thể. Biện pháp bảo đảm: Các biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.

(3) Hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐCV-2019 ngày 13/03/2019 kèm theo phụ lục Hợp đồng số 15/PLHĐCV/2019 ngày 13/9/2019 bổ sung thời hạn vay giữa Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày bên Vay nhận được tiền của bên cho Vay. Lãi suất: 9%/năm.

(4) Hợp đồng vay vốn số 24122019/HĐVV-CTBX ngày 24/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 12.000.000.000. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 4 tháng kể từ ngày 24/12/2019. Lãi suất 9,2%/năm (4) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 9%.

(5) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 9,2%.

**\*Vay dài hạn**

(6) Hợp đồng cho vay tiền số 100/HĐVT BKC-NTH ngày 21/12/2018 kèm phụ lục hợp đồng ký bổ sung thời hạn vay số 46/PLHĐ/BKC-NTH giữa Bà Nguyễn Thanh Hiến và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 21/12/2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	6.065.910.346	156.070.157.154
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.739.761.402	15.739.761.402
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>117.377.280.000</b>	<b>17.052.895.190</b>	<b>15.574.071.618</b>	<b>21.805.671.748</b>	<b>171.809.918.556</b>
Số dư tại 01/01/2019	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	21.805.671.748	171.809.918.556
Lãi trong năm này	-	-	-	15.156.332.926	15.156.332.926
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>117.377.280.000</b>	<b>17.052.895.190</b>	<b>15.574.071.618</b>	<b>36.962.004.674</b>	<b>186.966.251.482</b>

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.450.000	20.637.450.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	5.615.000.000	5.615.000.000
Đặng Thanh Vân	6.392.830.000	6.392.830.000
Mai Văn Bản	8.638.280.000	8.638.280.000
Vốn góp của đối tượng khác	46.093.720.000	46.093.720.000
<b>Tổng</b>	<b>117.377.280.000</b>	<b>117.377.280.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	117.377.280.000	117.377.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	234.184.850.605	180.671.504.522
<b>Tổng</b>	<b>234.184.850.605</b>	<b>180.671.504.522</b>

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	199.905.153.897	148.860.964.578
<b>Tổng</b>	<b>199.905.153.897</b>	<b>148.860.964.578</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.372.784.047	91.746.521
<b>Tổng</b>	<b>4.372.784.047</b>	<b>91.746.521</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.20 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	11.932.463.677	5.401.988.558
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	8.033.764.180	(1.859.894.346)
<b>Tổng</b>	<b>19.966.227.857</b>	<b>3.542.094.212</b>

**5.21 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>12.149.356.279</b>	<b>12.531.235.380</b>
Chi phí nhân viên quản lý	8.525.444.983	8.400.732.546
Chi phí đồ dùng văn phòng	121.282.872	158.214.666
Chi phí khấu hao TSCĐ	458.251.332	459.625.420
Thuế phí và lệ phí	60.839.470	44.316.595
Chi phí dự phòng	462.669.781	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.530.268	1.997.199.029
Chi phí bằng tiền khác	1.560.337.573	1.471.147.124
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(34.546.630)</b>	<b>(298.683.228)</b>
Hoàn nhập dự phòng phải thu	(34.546.630)	(298.683.228)
<b>Tổng</b>	<b>12.114.809.649</b>	<b>12.232.552.152</b>

**5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu từ cho thuê TSCĐ	4.545.454.548	4.545.454.548
Lãi thanh lý tài sản	10.000.000.000	-
Lãi từ đền bù giải phóng mặt bằng	-	1.201.475.634
Thu nhập khác	166.685.088	383.218.964
<b>Tổng</b>	<b>14.712.139.636</b>	<b>6.130.149.146</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	87.447.820	81.027.975
Chi phí thanh lý tài sản	77.000.000	-
Lãi chậm nộp, phạt thuế	76.081.815	892.968.123
Chi phí phá dỡ tài sản	566.009.849	-
Chi phí khác	1.361.339.276	1.345.060.807
<b>Tổng</b>	<b>2.167.878.760</b>	<b>2.319.056.905</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>12.544.260.876</b>	<b>3.811.092.241</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.115.704.125	19.938.732.342
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	681.151.870	1.056.122.357
Chi phí không hợp lý	681.151.870	1.056.122.357
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>19.796.855.995</b>	<b>20.994.854.699</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	3.959.371.199	4.198.970.940
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>3.959.371.199</b>	<b>4.198.970.940</b>

**5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.730.769.900	132.577.532.279
Chi phí nhân công	45.077.122.067	51.617.778.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.187.131.946	18.165.192.661
Chi phí dự phòng	1.879.464.135	(298.683.228)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.573.969.611	57.844.681.007
Chi phí khác bằng tiền	1.972.159.108	17.536.751.443
<b>Tổng</b>	<b>246.420.616.767</b>	<b>277.443.252.862</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Thông tin về các bên liên quan**

<u>Đối tượng</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	- Sở hữu 25,56% cổ phần BKC
Công ty Cổ phần bến xe Quảng Ninh	- Đồng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần bến xe Nghệ An	- Đồng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	- Sở hữu 17,58% cổ phần BKC
Công ty TNHH Việt Trung	- Công ty con
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	- Công ty liên kết
Ông Vũ Phi Hồ	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Thanh Sơn	- Ủy viên Hội đồng Quản trị

<u>Các khoản phải trả</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>31/12/2019 VND</u>	<u>01/01/2019 VND</u>
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Ché biến quặng	1.359.467.600	2.475.360.449
Vũ Phi Hồ	Vay	3.390.000.000	3.390.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Vay	5.000.000.000	12.700.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Vay	12.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các khoản phải thu	Giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Bán hàng	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán quặng	12.000	20.492.044.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Thuê xưởng	2.136.003	-
Công ty TNHH Việt Trung	Bán vật tư, thành phẩm	-	48.244.703
	Cấp vốn	48.567.285.350	38.901.261.008
<b>Giao dịch mua</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2019 VND</b>	<b>Năm 2018 VND</b>
Công ty TNHH Việt Trung	Mua quặng	13.861.984.500	19.520.996.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tuyển quặng	17.137.514.491	20.450.855.236
<b>Giao dịch mua</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2019 VND</b>	<b>Năm 2018 VND</b>
Công ty TNHH Việt Trung	Mua quặng	13.861.984.500	19.520.996.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tuyển quặng	17.137.514.491	20.450.855.236
<b>Giao dịch khác</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2019 VND</b>	<b>Năm 2018 VND</b>
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Vay	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Vay	12.000.000.000	-
<b>Các giao dịch với nhân sự chủ chốt</b>			
<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2019 VND</b>	<b>Năm 2018 VND</b>
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	2.624.394.956	2.577.528.963
<b>Tổng</b>		<b>2.624.394.956</b>	<b>2.577.528.963</b>

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là khai và chế biến khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM với ý kiến ngoại trừ.

Người lập



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Hiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 32



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPORATION.**

Trụ sở chính của Công ty tại: tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: **BKC.**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch
	Ông Đình Văn Hiến	Chủ tịch
	Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Đình Văn Hiến	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 19/12/2019

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,



**Đình Văn Hiến**  
**Tổng Giám đốc**

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 3 năm 2020



Số: 377/2020/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

**Kính gửi:** Các cổ đông  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, được lập ngày 29/03/2020 từ trang 05 đến trang 32 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty liên kết là Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn – Lào cho năm tài chính kết thúc tại thời điểm 31/12/2018 và 31/12/2019 cũng như không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đưa ra các đề nghị điều chỉnh kế toán khoản đầu tư trên theo Phương pháp vốn chủ sở hữu cho Báo cáo tài chính Hợp nhất, cũng như không thể đánh giá về khả năng thu hồi của khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2019. Do đó, chúng tôi cũng không đưa ra ý kiến về khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2019 cũng như ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với : (i) Chi phí trả trước dài hạn với giá trị 4.781.813.044 đồng; và (ii) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị 778.250.806 đồng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 của công ty con – Công ty TNHH MTV Việt Trung. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị của các khoản mục nêu trên nằm trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Phan Thanh Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2020

**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>230.421.947.806</b>	<b>149.071.119.903</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.659.187.880</b>	<b>315.858.096</b>
1. Tiền	111		2.659.187.880	315.858.096
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>113.669.288.358</b>	<b>23.204.313.514</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	106.045.067.787	24.296.086.395
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.085.734.345	1.770.579.059
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	4.749.422.168	2.380.655.057
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(5.210.935.942)	(5.243.006.997)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>110.047.241.401</b>	<b>122.124.865.705</b>
1. Hàng tồn kho	141		111.498.582.385	122.124.865.705
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.451.340.984)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.046.230.167</b>	<b>3.426.082.588</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	2.377.118.731	2.349.301.004
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.002.407.159	780.930.234
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	666.704.277	295.851.350
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>131.051.129.882</b>	<b>146.287.236.918</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.024.265.590</b>	<b>2.258.075.980</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.024.265.590	2.258.075.980
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.552.585.348</b>	<b>90.497.433.126</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	81.959.241.398	89.935.248.935
- Nguyên giá	222		201.383.509.592	193.577.621.004
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.424.268.194)	(103.642.372.069)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	593.343.950	562.184.191
- Nguyên giá	228		1.689.368.672	2.213.482.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.096.024.722)	(1.651.298.608)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.245.898.905</b>	<b>19.949.581.300</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	13.245.898.905	19.949.581.300
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>19.988.251.895</b>	<b>16.498.016.075</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.730.835.820	3.132.600.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.257.416.075	13.365.416.075
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.240.128.144</b>	<b>17.084.130.437</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	13.240.128.144	17.084.130.437
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>				
(270 = 100+200)	270		<b>361.473.077.688</b>	<b>295.358.356.821</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>206.544.777.787</b>	<b>153.203.246.908</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>201.544.777.787</b>	<b>150.627.746.908</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	20.505.511.337	22.618.185.754
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		637.775.688	3.137.736.688
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	9.366.803.588	7.860.711.134
4. Phải trả người lao động	314		4.276.643.049	5.941.344.715
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	6.485.327.456	882.397.265
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	14.143.676.182	14.170.759.734
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	146.052.499.737	95.933.650.868
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	6.420.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>2.575.500.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	-	18.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	5.000.000.000	2.557.500.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>154.928.299.901</b>	<b>142.155.109.913</b>
<b>(400 = 410+430)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>154.928.299.901</b>	<b>142.155.109.913</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		117.377.280.000	117.377.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	15.574.071.618
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.924.053.093	(7.849.136.895)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(7.849.136.895)	1.147.055.596
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		12.773.189.988	(8.996.192.491)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>361.473.077.688</b>	<b>295.358.356.821</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Người lập



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đình Văn Hiến

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	235.186.442.292	180.630.891.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		235.186.442.292	180.630.891.660
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	210.849.252.310	170.167.022.079
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		24.337.189.982	10.463.869.581
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	4.373.041.672	92.154.678
7. Chi phí tài chính	22	5.20	10.334.227.857	3.656.337.683
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.932.463.677	5.401.988.558
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	13.783.974.318	15.627.421.010
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		4.592.029.479	(8.727.734.434)
12. Thu nhập khác	31	5.22	14.795.926.528	6.331.491.068
13. Chi phí khác	32	5.22	2.655.394.820	2.400.978.185
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	12.140.531.708	3.930.512.883
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		16.732.561.187	(4.797.221.551)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	3.959.371.199	4.198.970.940
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		12.773.189.988	(8.996.192.491)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		12.773.189.988	(8.996.192.491)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.088,22	(766,43)

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 3 năm 2020

Người lập



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến

Tổng Giám đốc



Đình Văn Hiến

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
	2	4	5
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	16.732.561.187	(4.797.221.551)
2 Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	20.062.147.100	18.760.579.807
- Các khoản dự phòng	03	281.228.315	(5.919.969.466)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.855.787.207)	(1.293.630.312)
- Chi phí lãi vay	06	11.932.463.677	5.401.988.558
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.152.613.072	12.151.747.036
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(87.367.076.959)	4.998.522.911
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10.626.283.320	(61.522.328.880)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.647.033.965)	5.346.052.201
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.451.736.108	10.831.859.550
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.231.842.836)	(5.807.994.831)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.232.776.065)	(1.208.186.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(52.248.097.325)	(35.210.328.362)
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.566.422.934)	(12.546.268.240)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	10.000.000.000	2.141.935.308
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.000.000.000)	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.000.000.000	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.892.000.000)	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	488.501.174	92.154.678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.030.078.240	(10.312.178.254)
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3 Tiền thu từ đi vay	33	226.898.625.286	142.120.834.922
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(174.337.276.417)	(112.405.622.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	52.561.348.869	29.715.212.115
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.343.329.784	(15.807.294.501)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	315.858.096	16.123.152.597
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	2.659.187.880	315.858.096

Người lập



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 3 năm 2020



Tổng Giám đốc

Đình Văn Hiến

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 117.377.280.000 đồng (Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: **BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.**

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: **BKC.**

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Số lao động bình quân trong năm: 406 người

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản; Chung, tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,....

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

*Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:*

Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Bằng Lãng  
 Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn  
 Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng  
 Xí nghiệp Khai thác mỏ Pù Sáp  
 Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên  
 Chi nhánh Nhà máy nước khoáng AVA (Đang tạm ngừng hoạt động)  
 Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn  
 Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội  
 Văn phòng đại diện tại thủ đô Vientiane – Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

*Tại ngày 31/12/2019, Các Công ty công ty con, công ty liên kết của Công ty như sau:*

	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
<b>Công ty con</b>			
Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung	Khai thác khoáng sản	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Thương mại, du lịch (Tạm ngừng hoạt động)	26,5%	26,5%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Lào	Khai thác khoáng sản (Chưa hoạt động)	23%	23%

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC và thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc năm tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.



**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn là Công ty TNHH MTV Việt Trung.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

**Tiền:** Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

###### Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

###### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất, quyền khai thác và phần mềm tin học.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019
	<u>Thời gian khấu hao</u>
	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05- 06

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

TSCĐ vô hình bao gồm quyền khai thác nước khoáng, chi phí sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao cụ thể:

	Năm 2019
	Số năm
Quyền khai thác nước khoáng	05
Chi phí sử dụng đất	20

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### **Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

##### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

##### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí lãi vay, chi phí xây dựng: trích trước theo chi phí thực tế đã phát sinh

##### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	311.379.135	60.416.443
Tiền gửi ngân hàng	2.347.808.745	255.441.653
<b>Tổng</b>	<b>2.659.187.880</b>	<b>315.858.096</b>

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>106.045.067.787</b>	<b>24.296.086.395</b>
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	102.401.441.888	-
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	-	20.492.044.000
Một số đối tượng khác	3.643.625.899	3.804.042.395
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	-	20.492.044.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	2.136.003	-
<b>Tổng</b>	<b>106.045.067.787</b>	<b>24.296.086.395</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.3 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.749.422.168</b>	<b>-</b>	<b>2.380.655.057</b>	<b>-</b>
- Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc	462.590.470	-	462.590.470	-
- Công ty TNHH Công nghệ Kim Bảo	2.765.161.770	-	-	-
- Phải thu khác	849.959.346	-	1.260.889.218	-
- Tạm ứng	671.710.582	-	657.175.369	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.024.265.590</b>	<b>-</b>	<b>2.258.075.980</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	2.024.265.590	-	2.258.075.980	-
<b>Tổng</b>	<b>6.773.687.758</b>	<b>-</b>	<b>4.638.731.037</b>	<b>-</b>

**5.4 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.586.459.667	375.523.725	5.243.006.997	-
<i>Trong đó:</i>				
	<b>Quá hạn trên 6 tháng</b>	<b>Quá hạn 1-2 năm</b>	<b>Quá hạn 2-3 năm</b>	<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
Công ty CPĐT TM & DL Bó Nặm	-	-	-	2.890.400.620
Các đối tượng khác	-	751.047.449	-	1.945.011.598
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>751.047.449</b>	<b>-</b>	<b>4.835.412.218</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.332.000.422	(1.451.340.984)	32.522.017.622	-
Công cụ, dụng cụ	1.499.705.669	-	2.049.532.608	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	8.200.635.761	-	21.214.146.549	-
Thành phẩm	48.882.164.022	-	62.813.048.957	-
Hàng hóa	27.584.076.511	-	3.522.069.969	-
<b>Tổng</b>	<b>111.498.582.385</b>	<b>(1.451.340.984)</b>	<b>122.124.865.705</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.6 Chi phí trả trước**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.377.118.731</b>	<b>2.349.301.004</b>
Chi phí Khai thác Mỏ Nà Bốp - Pù Sáp	-	861.194.607
Chi phí công cụ, dụng cụ	535.535.600	10.522.107
Chi phí nhà máy luyện chì	225.656.229	-
Chi phí khác chờ phân bổ	1.596.193.569	1.393.725.956
Các khoản khác	19.733.333	83.858.334
<b>Dài hạn</b>	<b>13.240.128.144</b>	<b>17.084.130.437</b>
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nà Pốp-Pù Sáp	647.020.524	945.271.948
Chi phí sửa chữa, cải tạo	990.251.439	1.368.693.721
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.424.560.174	8.204.059.343
Chi phí khác chờ phân bổ	1.091.884.312	1.397.110.492
Các khoản khác	5.086.411.695	5.168.994.933
<b>Tổng</b>	<b>15.617.246.875</b>	<b>19.433.431.441</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2019	91.829.262.113	90.134.979.711	9.239.095.506	441.630.205	1.932.653.469	193.577.621.004
Tăng trong năm	9.261.950.508	2.193.512.370	969.090.909	-	-	12.424.553.787
Mua trong năm	-	330.909.091	-	-	-	330.909.091
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.261.950.508	1.862.603.279	969.090.909	-	-	12.093.644.696
Giảm trong năm	3.171.025.705	1.350.639.494	-	97.000.000	-	4.618.665.199
Điều chuyển, phân loại lại	-	38.636.364	-	-	-	38.636.364
Thanh lý, nhượng bán	1.727.524.845	1.312.003.130	-	97.000.000	-	3.136.527.975
Điều chỉnh giảm do phá dỡ	1.443.500.860	-	-	-	-	1.443.500.860
Số dư tại 31/12/2019	<u>97.920.186.916</u>	<u>90.977.852.587</u>	<u>10.208.186.415</u>	<u>344.630.205</u>	<u>1.932.653.469</u>	<u>201.383.509.592</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2019	40.448.521.576	56.354.156.220	4.516.315.241	411.327.181	1.912.051.851	103.642.372.069
Tăng trong năm	12.771.726.233	6.038.276.355	1.056.068.659	6.060.612	11.175.000	19.883.306.859
Khấu hao trong năm	12.771.726.233	6.038.276.355	1.056.068.659	6.060.612	11.175.000	19.883.306.859
Giảm trong năm	2.653.771.240	1.350.639.494	-	97.000.000	-	4.101.410.734
Điều chuyển, phân loại lại	-	38.636.364	-	-	-	38.636.364
Thanh lý, nhượng bán	1.727.524.845	1.312.003.130	-	97.000.000	-	3.136.527.975
Điều chỉnh giảm do phá dỡ	926.246.395	-	-	-	-	926.246.395
Số dư tại 31/12/2019	<u>50.566.476.569</u>	<u>61.041.793.081</u>	<u>5.572.383.900</u>	<u>320.387.793</u>	<u>1.923.226.851</u>	<u>119.424.268.194</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2019	<u>51.380.740.537</u>	<u>33.780.823.491</u>	<u>4.722.780.265</u>	<u>30.303.024</u>	<u>20.601.618</u>	<u>89.935.248.935</u>
Tại 31/12/2019	<u>47.353.710.347</u>	<u>29.936.059.506</u>	<u>4.635.802.515</u>	<u>24.242.412</u>	<u>9.426.618</u>	<u>81.959.241.398</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Giá trị còn lại của tài sản mang cầm cố thế chấp tại 31/12/2019

69.296.797.789

27.999.489.896

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN/HN

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2019	1.111.264.959	974.198.127	128.019.713	2.213.482.799
Tăng trong năm	-	-	210.000.000	210.000.000
Tăng khác	-	-	210.000.000	210.000.000
Giảm trong năm	-	734.114.127	-	734.114.127
Thanh lý, nhượng bán	-	734.114.127	-	734.114.127
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>1.111.264.959</b>	<b>240.084.000</b>	<b>338.019.713</b>	<b>1.689.368.672</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2019	753.503.728	885.856.579	11.938.301	1.651.298.608
Tăng trong năm	167.844.044	-	10.996.197	178.840.241
Khấu hao trong năm	167.844.044	-	10.996.197	178.840.241
Giảm trong năm	-	734.114.127	-	734.114.127
Thanh lý, nhượng bán	-	734.114.127	-	734.114.127
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>921.347.772</b>	<b>151.742.452</b>	<b>22.934.498</b>	<b>1.096.024.722</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2019	357.761.231	88.341.548	116.081.412	562.184.191
Tại 31/12/2019	189.917.187	88.341.548	315.085.215	593.343.950

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Nhà máy bột kẽm	3.678.956.378	3.678.956.378	11.149.779.826	11.149.779.826
Dự án mỏ Vàng Pắc Lạng	3.831.282.154	3.831.282.154	3.831.282.154	3.831.282.154
Nhà máy luyện chì	3.367.908.603	3.367.908.603	1.538.975.216	1.538.975.216
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Điểm mỏ chì kẽm Nà Duồng, Tùm Tó	-	-	860.207.265	860.207.265
Đầu tư khai thác mỏ chì kẽm Lũng Váng	778.250.806	778.250.806	778.250.806	778.250.806
Công trình khác	-	-	201.585.069	201.585.069
<b>Tổng</b>	<b>13.245.898.905</b>	<b>13.245.898.905</b>	<b>19.949.581.300</b>	<b>19.949.581.300</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		31/12/2019		01/01/2019	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá ghi sổ	Dự phòng	Giá ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			4.730.835.820	-	3.132.600.000	-
Công ty CP Đầu tư TM và Du lịch Bó Nặm	26,5%	26,5%	-	-	-	-
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào	23%	23%	4.730.835.820	-	3.132.600.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			15.257.416.075	-	13.365.416.075	-
Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn			120.000.000	-	120.000.000	-
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An			15.137.416.075	-	13.245.416.075	-
<b>Tổng</b>			<b>19.988.251.895</b>	<b>-</b>	<b>16.498.016.075</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>20.505.511.337</b>	<b>20.505.511.337</b>	<b>22.618.185.754</b>	<b>22.618.185.754</b>
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	1.454.330.830	1.454.330.830	2.891.487.699	2.891.487.699
Công ty TNHH Thương mại Trường Phong	5.018.636.923	5.018.636.923	5.018.636.923	5.018.636.923
Doanh nghiệp Tư nhân kinh doanh sản xuất Xây dựng Cường Lan	2.056.480.989	2.056.480.989	166.873.789	166.873.789
Phải trả người bán ngắn hạn khác	11.976.062.595	11.976.062.595	14.541.187.343	14.541.187.343
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	1.454.330.830	1.454.330.830	2.891.487.699	2.891.487.699
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>20.505.511.337</b>	<b>20.505.511.337</b>	<b>22.618.185.754</b>	<b>22.618.185.754</b>

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
	<b>Phải nộp</b>	<b>7.860.711.134</b>	<b>29.653.256.563</b>	<b>28.147.164.109</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	12.882.597.661	9.315.958.325	3.566.639.336
Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.371.662	10.547.488	8.204.116	23.715.034
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.647.563.822	3.993.176.324	4.232.776.065	4.407.964.081
- Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	4.647.563.822	3.959.371.199	4.198.970.940	4.407.964.081
- Truy thu thuế TNDN	-	33.805.125	33.805.125	-
Thuế thu nhập cá nhân	384.174.474	413.579.596	574.704.550	223.049.520
Thuế tài nguyên	1.399.221.942	6.740.819.647	7.342.149.972	797.891.617
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	466.771.586	466.771.586	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	1.060.835.234	36.966.715	750.257.949	347.544.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	347.544.000	5.108.797.546	5.456.341.546	-
<b>Phải thu</b>	<b>295.851.350</b>	<b>731.869.091</b>	<b>1.102.722.018</b>	<b>666.704.277</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	117.195.000	-	57.000.000	174.195.000
Thuế tài nguyên	-	-	48.919.855	48.919.855
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	150	366.165.340	366.165.340	150
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	178.656.200	365.703.751	630.636.823	443.589.272

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.485.327.456</b>	<b>882.397.265</b>
Chi phí lãi vay	4.383.506.756	682.885.915
Các khoản khác	2.101.820.700	199.511.350
<b>Tổng</b>	<b>6.485.327.456</b>	<b>882.397.265</b>

**5.14 Phải trả khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.143.676.182</b>	<b>14.170.759.734</b>
Kinh phí công đoàn	1.457.941.827	1.633.952.525
Bảo hiểm xã hội	2.520.270	-
Bảo hiểm y tế	897.944	21.568.242
Bảo hiểm thất nghiệp	-	14.811.686
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Phải trả, phải nộp khác	12.328.260.981	12.146.372.121
<i>Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (1)</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (2)</i>	<i>3.911.834.400</i>	<i>3.911.834.400</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại Trường Phong (3)</i>	<i>6.739.200.000</i>	<i>6.739.200.000</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>1.177.226.581</i>	<i>995.337.721</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>18.000.000</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	-	18.000.000
<b>Tổng</b>	<b>14.143.676.182</b>	<b>14.188.759.734</b>

- (1) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Pắc Lạng.
- (2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/3/2008 giữa Công ty và Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến hiện tại Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án nhưng Công ty chưa trả lại số tiền.
- (3) Phải trả chuyển tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH MTV Việt Trung.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>146.052.499.737</b>	<b>146.052.499.737</b>	<b>221.898.625.286</b>	<b>171.779.776.417</b>	<b>95.933.650.868</b>	<b>95.933.650.868</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	17.208.253.112	17.208.253.112	37.166.695.492	35.658.406.749	15.699.964.369	15.699.964.369
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (2)	29.944.430.734	29.944.430.734	58.581.929.794	58.620.185.559	29.982.686.499	29.982.686.499
Công ty Cổ phần bến xe Quảng Ninh (3)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	12.700.000.000	12.700.000.000	12.700.000.000
Công ty Cổ phần bến xe Nghệ An (4)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-
Hoàng Thị Thanh Hằng (5)	39.747.815.891	39.747.815.891	56.800.000.000	33.551.184.109	16.499.000.000	16.499.000.000
Nguyễn Thanh Hiến (5)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trần Minh Thành (5)	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Nguyễn Thế Hùng (5)	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Vũ Phi Hổ (5)	3.390.000.000	3.390.000.000	-	-	3.390.000.000	3.390.000.000
Hoàng Thị Minh Nguyệt (5)	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân khác (5)	8.262.000.000	8.262.000.000	21.850.000.000	15.750.000.000	2.162.000.000	2.162.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>2.557.500.000</b>	<b>2.557.500.000</b>	<b>2.557.500.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Kạn	-	-	-	2.557.500.000	2.557.500.000	2.557.500.000
Nguyễn Thanh Hiến (6)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>151.052.499.737</b>	<b>151.052.499.737</b>	<b>226.898.625.286</b>	<b>174.337.276.417</b>	<b>98.491.150.868</b>	<b>98.491.150.868</b>

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 21/2019-HĐCVHM/NHCT172-KHOANGSAN ngày 07/10/2019 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức cho vay: 18.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 07/10/2019. Lãi suất được xác định theo từng Giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng lần lượt là Hợp đồng thế chấp số: 04.10/2015/HĐTC ngày 30/11/2015; 01.07/2015/HĐTC ngày 28/07/2015; 03.06.14.HĐTC-DN ngày 11/07/2014; 06-18/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 07/02/2018; 43/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 11/12/2017; 42/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 11/12/2017; 33/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 17/08/2017; 21/2019/HĐBĐ/NHCT172 ngày 19/07/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

(2) Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2019/788949/HĐTD ký ngày 17/05/2019 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh và được xác định theo từng hợp đồng vay cụ thể. Biện pháp bảo đảm: Các biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.

(3) Hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐCV-2019 ngày 13/03/2019 kèm theo phụ lục Hợp đồng số 15/PLHĐCV/2019 ngày 13/9/2019 bổ sung thời hạn vay giữa Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày bên Vay nhận được tiền của bên cho Vay. Lãi suất: 9%/năm.

(4) Hợp đồng vay vốn số 24122019/HĐVV-CTBX ngày 24/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 12.000.000.000. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 4 tháng kể từ ngày 24/12/2019. Lãi suất 9,2%/năm (4) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 9%.

(5) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 9,2%.

**\*Vay dài hạn**

(6) Hợp đồng cho vay tiền số 100/HĐVT BKC-NTH ngày 21/12/2018 kèm phụ lục hợp đồng ký bổ sung thời hạn vay số 46/PLHĐ/BKC-NTH giữa Bà Nguyễn Thanh Hiền và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 21/12/2018.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	1.147.055.596	-	151.151.302.404
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	(8.996.192.491)	-	(8.996.192.491)
Số dư tại 31/12/2018	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	(7.849.136.895)	-	142.155.109.913
Số dư tại 01/01/2019	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	(7.849.136.895)	-	142.155.109.913
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	12.773.189.988	-	12.773.189.988
Số dư tại 31/12/2019	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	4.924.053.093	-	154.928.299.901

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.450.000	20.637.450.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	5.615.000.000	5.615.000.000
Đặng Thanh Vân	6.392.830.000	6.392.830.000
Mai Văn Bản	8.638.280.000	8.638.280.000
Vốn góp của đối tượng khác	46.093.720.000	46.093.720.000
<b>Tổng</b>	<b>117.377.280.000</b>	<b>117.377.280.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	117.377.280.000	117.377.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	235.186.442.292	180.630.891.660
<b>Tổng</b>	<b>235.186.442.292</b>	<b>180.630.891.660</b>

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	210.849.252.310	170.167.022.079
<b>Tổng</b>	<b>210.849.252.310</b>	<b>170.167.022.079</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.373.041.672	92.154.678
<b>Tổng</b>	<b>4.373.041.672</b>	<b>92.154.678</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.20 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	11.932.463.677	5.401.988.558
Chi phí hoạt động tài chính khác	(1.598.235.820)	(1.745.650.875)
<b>Tổng</b>	<b>10.334.227.857</b>	<b>3.656.337.683</b>

**5.21 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>13.818.520.948</b>	<b>15.627.421.010</b>
Chi phí nhân viên quản lý	9.587.091.665	10.895.145.694
Chi phí đồ dùng văn phòng	223.687.587	301.680.218
Chi phí khấu hao TSCĐ	508.541.472	509.915.560
Thuế phí và lệ phí	67.982.500	57.240.698
Chi phí dự phòng	462.669.781	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.260.961.925	2.494.939.804
Chi phí quản lý khác	1.707.586.018	1.667.182.264
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(34.546.630)</b>	<b>(298.683.228)</b>
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(34.546.630)	(298.683.228)
<b>Tổng</b>	<b>13.783.974.318</b>	<b>15.627.421.010</b>

**5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi từ đền bù giải phóng mặt bằng	-	1.201.475.634
Lãi thanh lý tài sản	10.000.000.000	-
Thu từ cho thuê TSCĐ	4.545.454.548	4.545.454.548
Thu nhập khác	250.471.980	584.560.886
<b>Tổng</b>	<b>14.795.926.528</b>	<b>6.331.491.068</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	87.447.820	81.027.975
Chi phí thanh lý tài sản	77.000.000	-
Lãi chậm nộp	129.987.934	960.148.288
Chi phí phá dỡ tài sản	566.009.849	-
Chi phí khác	1.794.949.217	1.359.801.922
<b>Tổng</b>	<b>2.655.394.820</b>	<b>2.400.978.185</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>12.140.531.708</b>	<b>3.930.512.883</b>

## 5.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.959.371.199	4.198.970.940
<b>Tổng</b>	<b>3.959.371.199</b>	<b>4.198.970.940</b>

## 5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	12.773.189.988	(8.996.192.491)
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.773.189.988	(8.996.192.491)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	11.737.728	11.737.728
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.088,22	(766,43)

## 5.25 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.081.564.702	137.103.892.721
Chi phí nhân công	53.182.888.316	76.807.929.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.974.699.280	18.760.579.807
Trích lập dự phòng	1.879.464.135	(298.683.228)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.497.798.699	65.967.160.385
Chi phí khác bằng tiền	3.277.586.907	18.978.103.834
<b>Tổng</b>	<b>271.894.002.039</b>	<b>317.318.983.183</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

<u>Đối tượng</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	- Sở hữu 25,56% cổ phần BKC - Ông Nguyễn Trần Nhất là ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, đồng thời là Giám đốc Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã.
Công ty Cổ phần bến xe Quảng Ninh	- Đồng Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần bến xe Nghệ An	- Đồng Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	- Sở hữu 17,58% cổ phần BKC
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	- Công ty liên kết
Ông Vũ Phi Hồ	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Thanh Sơn	- Ủy viên Hội đồng Quản trị

**Số dư với các bên liên quan**

<u>Các khoản phải trả</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Chế biến quặng	1.454.330.830	2.891.487.699
Ông Vũ Phi Hồ	Vay	3.390.000.000	3.390.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Vay	5.000.000.000	12.700.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Vay	12.000.000.000	-

<u>Các khoản phải thu</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Bán hàng	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán quặng	12.000	20.492.044.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Thuê xưởng	2.136.003	-

**Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bán hàng</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán quặng	-	53.970.040.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Cho thuê TS	4.545.454.548	4.545.454.548
	Bán vật tư	-	296.595.453

<u>Giao dịch mua</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tuyển quặng	18.268.743.891	21.586.186.636

<u>Giao dịch khác</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Vay	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Vay	12.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2019 VND</u>	<u>Năm 2018 VND</u>
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	2.624.394.956	2.577.528.963
<b>Tổng</b>		<b>2.624.394.956</b>	<b>2.577.528.963</b>

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là khai và chế biến khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM với ý kiến ngoại trừ.

Người lập

Kế toán trưởng

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc





Trần Thị Tuyết

Trần Thị Yên

Đinh Văn Hiến